Chi tiết mã HS 9015.40.00

Mã HS	9015.40.00
Mô tả hàng hóa	Thiết bị và dụng cụ dùng để quan trắc (kể cả quan trắc ảnh), dùng cho thủy văn học, hải dương học, thủy học, khí tượng học hoặc địa lý học, trừ la bàn; máy đo xa / - Thiết bị và dụng cụ quan trắc ảnh
Đơn vị	chiếc/bộ
Thời điểm tạo	18/11/2026 03:40:55
Phiên bản dữ liệu	2026.04.05 – BIEU THUE XNK 2026.04.05.xlsx
Trạng thái xác minh	Dữ liệu biểu thuế đối chiếu file nguồn; khuyến cáo/mapping là thông tin định hướng; điều kiện FTA chưa xác minh.
Liên kết	https://vietnamtariff.com/hs-code/90154000/

Thuế áp dụng năm 2026

Biểu thuế	Giá trị gốc	Thuế suất	Văn bản	hiệu lực	Nguồn
Thuế NK thông thường	5	5%	15/2023/QĐ-TTg	2023-07-15	BT2026!K18050
Thuế NK ưu đãi (MFN)	0	0%	26/2023/NĐ-CP	2023-07-15	BT2026!N18050
Thuế GTGT (VAT)	8/10	8 / 10 (nhiều mức)	181/2025/NĐ-CP	2025-07-01	BT2026!Q18050
Thuế tiêu thụ đặc biệt		Không có dữ liệu			
Thuế bảo vệ môi trường		Không có dữ liệu			
Thuế xuất khẩu		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi CPTPP		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi EVFTA		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi UKVFTA		Không có dữ liệu			

Thuế suất ưu đãi đặc biệt (FTA) – 2026

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
AANZFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AANZ	121/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
ACFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	E	118/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AHKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	AHK	123/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/01/2026 - 31/12/2026	AI	122/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AJCEP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	AJ	120/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AK	119/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ATIGA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	D	126/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
CPTPP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	(VI)	CPTPP	115/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
EVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	116/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục A)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục B)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục C)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục D)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục E)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục F)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
UKVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	117/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
VCFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VC	112/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VJEPA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	JV · Form VJ	124/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VK	125/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-LAO	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026		S	206/2025/NĐ-CP	Thuế suất %
VIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	Form VI (verify)	131/2024/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-CAM		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		S	56/2026/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VNCU		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		VNCB · Form VC (Cuba)	114/2022/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VN-EAEU	*	* không hưởng ưu đãi	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EAV	113/2022/NĐ-CP	Không được hưởng (*)

Lịch sử / lộ trình thuế suất theo năm

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
ACFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AC!E17361
ATIGA	2022	2022	0	AT!E17290
ATIGA	2023	2023	0	AT!F17290
ATIGA	2024	2024	0	AT!G17290
ATIGA	2025	2025	0	AT!H17290
ATIGA	2026	2026	0	AT!I17290
ATIGA	2027	2027	0	AT!J17290
AJCEP	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	AJ!E17346
AJCEP	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	AJ!F17346
AJCEP	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	AJ!G17346

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
AJCEP	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	AJ!H17346
AJCEP	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	AJ!I17346
AJCEP	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	AJ!J17346
VJEPA	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	VJ!E17347
VJEPA	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	VJ!F17347
VJEPA	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	VJ!G17347
VJEPA	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	VJ!H17347
VJEPA	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	VJ!I17347
VJEPA	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	VJ!J17347
AKFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AK!F17352
AANZFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AANZ!H17308
AIFTA	30/12/2022	2022	0	AI!F17304
AIFTA	31/12/2022 - 30/12/2023	2023	0	AI!G17304
AIFTA	31/12/2023 - 30/12/2024	2024	0	AI!H17304
AIFTA	31/12/2024 - 31/12/2025	2025	0	AI!I17304
AIFTA	01/01/2026 - 31/12/2026	2026	0	AI!J17304
AIFTA	01/01/2027 - 31/12/2027	2027	0	AI!K17304
VKFTA	2022	2022	0	VK!E17350
VKFTA	2023	2023	0	VK!F17350
VKFTA	2024	2024	0	VK!G17350
VKFTA	2025	2025	0	VK!H17350
VKFTA	2026	2026	0	VK!I17350
VKFTA	2027	2027	0	VK!J17350
VCFTA	2022	2022	0	VC!D17412
VCFTA	2023	2023	0	VC!E17412
VCFTA	2024	2024	0	VC!F17412

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
VCFTA	2025	2025	0	VC!G17412
VCFTA	2026	2026	0	VC!H17412
VCFTA	2027	2027	0	VC!I17412
VN-EAEU	2022	2022	*	EAV!D17388
VN-EAEU	2023	2023	*	EAV!E17388
VN-EAEU	2024	2024	*	EAV!F17388
VN-EAEU	2025	2025	*	EAV!G17388
VN-EAEU	2026	2026	*	EAV!H17388
VN-EAEU	2027	2027	*	EAV!I17388
AHKFTA	2022	2022	0	AKH!D17383
AHKFTA	2023	2023	0	AKH!E17383
AHKFTA	2024	2024	0	AKH!F17383
AHKFTA	2025	2025	0	AKH!G17383
AHKFTA	2026	2026	0	AKH!H17383
AHKFTA	2027	2027	0	AKH!I17383
EVFTA	2022	2022	0	EV-NK!D17413
EVFTA	2023	2023	0	EV-NK!E17413
EVFTA	2024	2024	0	EV-NK!F17413
EVFTA	2025	2025	0	EV-NK!G17413
EVFTA	2026	2026	0	EV-NK!H17413
EVFTA	2027	2027	0	EV-NK!I17413
UKVFTA	2022	2022	0	UKV!D17412
UKVFTA	2023	2023	0	UKV!E17412
UKVFTA	2024	2024	0	UKV!F17412
UKVFTA	2025	2025	0	UKV!G17412
UKVFTA	2026	2026	0	UKV!H17412

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
UKVFTA	2027	2027	0	UKV!I17412
CPTPP	(I)	2021 (DERIVED)	0	CPTPP!D17506
CPTPP	(II)	2022 (DERIVED)	0	CPTPP!E17506
CPTPP	(III)	2023 (DERIVED)	0	CPTPP!F17506
CPTPP	(IV)	2024 (DERIVED)	0	CPTPP!G17506
CPTPP	(V)	2025 (DERIVED)	0	CPTPP!H17506
CPTPP	(VI)	2026 (DERIVED)	0	CPTPP!I17506
CPTPP	(VII)	2027 (DERIVED)	0	CPTPP!J17506
RCEP A	2022	2022	0	RCEPT-A!D17375
RCEP A	2023	2023	0	RCEPT-A!E17375
RCEP A	2024	2024	0	RCEPT-A!F17375
RCEP A	2025	2025	0	RCEPT-A!G17375
RCEP A	2026	2026	0	RCEPT-A!H17375
RCEP A	2027	2027	0	RCEPT-A!I17375
RCEP B	2022	2022	0	B!D17375
RCEP B	2023	2023	0	B!E17375
RCEP B	2024	2024	0	B!F17375
RCEP B	2025	2025	0	B!G17375
RCEP B	2026	2026	0	B!H17375
RCEP B	2027	2027	0	B!I17375
RCEP C	2022	2022	0	C!D17373
RCEP C	2023	2023	0	C!E17373
RCEP C	2024	2024	0	C!F17373
RCEP C	2025	2025	0	C!G17373
RCEP C	2026	2026	0	C!H17373
RCEP C	2027	2027	0	C!I17373

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
RCEP D	2022	2022	0	D!D17372
RCEP D	2023	2023	0	D!E17372
RCEP D	2024	2024	0	D!F17372
RCEP D	2025	2025	0	D!G17372
RCEP D	2026	2026	0	D!H17372
RCEP D	2027	2027	0	D!I17372
RCEP E	2022	2022	0	E!D17376
RCEP E	2023	2023	0	E!E17376
RCEP E	2024	2024	0	E!F17376
RCEP E	2025	2025	0	E!G17376
RCEP E	2026	2026	0	E!H17376
RCEP E	2027	2027	0	E!I17376
RCEP F	2022	2022	0	F!D17375
RCEP F	2023	2023	0	F!E17375
RCEP F	2024	2024	0	F!F17375
RCEP F	2025	2025	0	F!G17375
RCEP F	2026	2026	0	F!H17375
RCEP F	2027	2027	0	F!I17375
VIFTA	2024	2024	0	VI!F16292
VIFTA	2025	2025	0	VI!G16292
VIFTA	2026	2026	0	VI!H16292
VIFTA	2027	2027	0	VI!I16292

Khuyến cáo & cảnh báo

Mã rủi ro	Mức	Tên rủi ro	Mô tả	Dữ liệu liên quan	Căn cứ pháp lý	Khuyến nghị	Trạng thái xác minh

OR-001	YELLOW	Chưa có nước xuất xứ	Chưa thể đánh giá FTA khi chưa có nước xuất xứ.			Nhập nước xuất xứ để so sánh các biểu thuế ưu đãi đặc biệt.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TAX-001	YELLOW	Nhiều mức thuế GTGT	Cột VAT ghi “8/10”.		181/2025/NĐ-CP	Xác định mức VAT theo bản chất hàng hóa và quy định giảm thuế (174/2025/NĐ-CP, Phụ lục I/II).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TR-004	GRAY	Not Assessed – Additional Regulatory Verification Required	File nguồn không ghi nhận biện pháp phòng vệ thương mại cho mã 9015.40.00. Điều này KHÔNG có nghĩa là không có rủi ro.			Kiểm tra cơ sở dữ liệu phòng vệ thương mại của Bộ Công Thương (Cục Phòng vệ thương mại).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
DQ-001	GREEN	Thuế MFN có trong biểu nguồn	Thuế suất MFN 0% của mã 9015.40.00 được đối chiếu với BT2026 (ô BT2026!N18050), căn cứ 26/2023/NĐ-CP.		26/2023/NĐ-CP	Phạm vi xác minh: đối chiếu với file nguồn phiên bản 2026.04.05, không thay thế văn bản pháp luật.	Đã đối chiếu với file biểu thuế nguồn

Báo cáo mang tính tham khảo, được tạo tự động từ dữ liệu biểu thuế nguồn và quy tắc khuyến cáo. Đây không phải quyết định của cơ quan hải quan, không xác nhận mã HS, điều kiện hưởng FTA hay hiệu lực pháp lý. Người dùng chịu trách nhiệm đối chiếu văn bản pháp luật hiện hành.